

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2022
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2022	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	[5] - [6]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	[7] - [8]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	[9] - [10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	[11] - [38]

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty:

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 21 tháng 10 năm 2022.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2023

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		276.384.137.128	207.478.344.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		80.431.098.094	72.564.678.207
1. Tiền	111	5.1	80.431.098.094	72.564.678.207
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	1.700.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.700.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.160.274.636	72.321.671.180
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	48.824.612.765	59.817.866.614
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.880.182.253	4.558.607.706
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	55.644.919.556	13.134.636.798
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.10	(5.189.439.938)	(5.189.439.938)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	88.329.821.900	58.441.398.575
1. Hàng tồn kho	141		88.329.821.900	58.441.398.575
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.762.942.498	4.150.596.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.602.476.882	4.094.164.874
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.146.198.454	48.432.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	14.267.162	8.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.903.136.058	182.531.662.477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		620.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	620.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		64.634.393.065	81.363.236.272
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	58.749.918.065	75.344.258.984
- Nguyên giá	222		152.179.891.326	155.306.024.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.429.973.261)	(79.961.765.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	5.884.475.000	6.018.977.288
- Nguyên giá	228		6.765.326.300	6.765.326.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(880.851.300)	(746.349.012)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		81.094.795.894	76.032.440.031
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	81.094.795.894	76.032.440.031
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	32.400.000.000	2.400.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.400.000.000	2.400.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.153.947.099	22.735.986.174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	14.207.029.622	2.225.223.343
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Lợi thế thương mại	269	5.9	17.946.917.477	20.510.762.831
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		487.287.273.186	390.010.007.419

Báo cáo tài chính hợp nhất phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		158.996.177.504	166.238.161.642
I. Nợ ngắn hạn	310		141.395.852.951	145.831.425.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	41.715.239.077	42.585.713.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.615.409.926	2.888.320.978
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	5.029.533.754	9.320.803.694
4. Phải trả người lao động	314		2.831.746.466	2.601.184.956
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	590.000.000	694.475.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.035.598.719	15.198.240.866
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	81.999.619.971	70.963.980.245
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
II. Nợ dài hạn	330		17.600.324.553	20.406.736.083
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	570.430.120	720.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	16.444.349.905	19.100.761.435
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.17	585.544.528	585.544.528
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	328.291.095.682	223.771.845.777
I. Vốn chủ sở hữu	410		328.291.095.682	223.771.845.777
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.999.670.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.999.670.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(722.154.545)	(68.454.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.806.606.308	67.182.439.634
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.125.431.091	26.483.163.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	461.791.044
- LNST chưa phân phối năm này	421b		2.125.431.091	26.021.372.158
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		18.081.542.828	15.174.697.486
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		487.287.273.186	390.010.007.419

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2023

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02-DN/HN

Quý IV năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	96.109.582.045	106.934.244.727	323.409.509.276	363.125.789.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	21.496.115.065	29.120.013.517	79.332.214.940	93.570.285.406
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.613.466.980	77.814.231.210	244.077.294.336	269.555.504.342
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	52.808.194.364	37.621.529.157	149.823.121.302	150.414.635.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.805.272.616	40.192.702.053	94.254.173.034	119.140.868.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	9.696.548	6.134.604	167.895.553	217.627.091
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.549.289.978	690.131.098	5.556.277.860	4.491.330.351
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.549.289.978	690.131.098	5.556.277.860	4.491.330.351
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	17.670.980.618	22.038.076.511	61.380.662.148	61.101.523.950
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.819.394.943	4.607.534.860	22.197.356.689	18.899.812.906
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.224.696.375)	12.863.094.188	5.287.771.890	34.865.828.376
12. Thu nhập khác	31	6.6	35.180.324	529.762.799	636.119.832	559.809.138
13. Chi phí khác	32	6.7	378.821.322	14.516.521	652.640.056	326.078.319
14. Lợi nhuận khác	40		(343.640.998)	515.246.278	(16.520.224)	233.730.819
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.568.337.373)	13.378.340.466	5.271.251.666	35.099.559.195
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	(218.395.418)	1.544.294.659	1.377.758.172	6.038.689.622
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-

Báo cáo tài chính hợp nhất phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

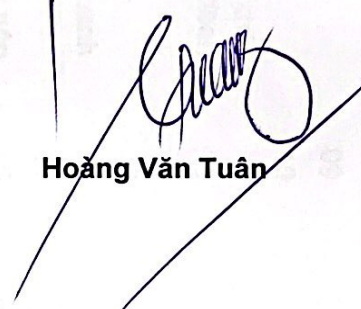
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.349.941.955)	11.834.045.807	3.893.493.494	29.060.869.573
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		(4.588.557.214)	10.446.505.597	2.125.431.091	26.631.249.158
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		238.615.259	1.387.540.210	1.768.062.403	2.429.620.415
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(166)	908	77	2.316
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(166)	908	77	2.316

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý IV năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4 Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.271.251.666	35.099.559.195
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		18.780.064.996	20.540.956.701
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(167.895.553)	(217.627.091)
- Chi phí lãi vay	06		5.556.277.860	4.491.330.351
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.439.698.969	59.914.219.156
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.562.636.966)	17.071.347.115
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.888.423.325)	(9.865.620.723)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.399.268.638)	(7.173.234.685)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.926.272.933)	1.782.114.704
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.556.277.860)	(4.491.330.351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.945.263.890)	(2.491.336.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(64.838.444.643)	54.746.158.937
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.807.526.039)	(21.857.368.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.694.800.000	1.701.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			600.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		167.895.553	217.627.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.944.830.486)	(19.338.741.739)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp
Quý IV năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý 4 Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		160.999.670.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		207.017.449.794	201.982.644.295
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(193.129.729.598)	(195.822.811.897)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(5.508.492.000)	(2.960.612.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.729.203.180)	(5.581.363.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		109.649.695.016	(2.382.142.662)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.866.419.887	33.025.274.536
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		72.564.678.207	39.539.403.671
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		80.431.098.094	72.564.678.207

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2023

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 21 tháng 10 năm 2022.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
 - Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
 - Bán mô tô, xe máy;
 - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quầy bar);
 - Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
 - Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 59 đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, Tp. Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:**❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2019

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2019 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%

❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2019 là 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.*)

Vốn thực góp tới ngày 31/12/2022 là 96.287.500.000 đồng.

Trụ sở tại số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	93,47%	93,47%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

❖ Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107685109 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 28/03/2018 là 5.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*)

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở tại thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	90%	90%

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam (công ty con) và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25 năm
Máy móc thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm	05 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được hưởng chính sách giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2021 theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định 92/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về việc ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid – 19.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 17% trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm kể từ năm 2019.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả và sơn, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2022		01/01/2022	
Tiền mặt	11.426.113.418		3.682.947.590	
Tiền gửi ngân hàng	69.004.984.676		68.881.730.617	
Tiền đang chuyển	-		-	
Cộng	80.431.098.094		72.564.678.207	
5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	31/12/2022		01/01/2022	
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	48.824.612.765		59.817.866.614	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	48.824.612.765		59.817.866.614	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-		-	
5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	31/12/2022		01/01/2022	
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.880.182.253		4.558.607.706	
- Oliver Y Battle S.A.U	216.974.657		216.974.657	
- Công ty TNHH Solid Tech	845.023.098		210.593.098	
- Công Ty TNHH Sản Xuất SKD Việt Nam	1.595.030.000		2.480.530.000	
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.223.154.498		1.650.509.951	
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-		-	
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-	
5.4 . PHẢI THU KHÁC	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	55.644.919.556	-	13.134.636.798	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	638.031.829		638.031.829	
- Tạm ứng	34.389.242.643	-	11.895.962.487	-
- Phải thu khác	20.604.672.918	-	539.836.125	-
- Phải trả khác (dư nợ)	12.972.166		60.806.357	
b) Dài hạn	620.000.000	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	620.000.000	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
5.5 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	54.472.704.693	-	29.503.993.500	-
Công cụ, dụng cụ	2.063.222.012	-	2.278.630.461	-
Chi phí SXKD dở dang	7.942.157.632	-	5.749.397.845	-
Thành phẩm nhập kho	20.924.183.447	-	15.853.428.875	-
Hàng hóa	2.927.554.116	-	5.055.947.894	-
Cộng	88.329.821.900	-	58.441.398.575	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.6 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	81.094.795.894	76.032.440.031

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
a) Ngắn hạn	1.602.476.882	4.094.164.874
b) Dài hạn	14.207.029.622	2.225.223.343
Cộng	<u>15.809.506.504</u>	<u>6.319.388.217</u>

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	1.700.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.700.000.000	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	32.400.000.000	2.400.000.000
Dài hạn		
- Tiền gửi tại Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam (1)	400.000.000	400.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Mua cổ phần CTCP TM và Đầu Tư Rồng Việt	30.000.000.000	-
Cộng	<u>34.100.000.000</u>	<u>2.400.000.000</u>

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/HĐTG/BC-VLC ngày 31/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam ký với Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền 400 triệu đồng, kỳ hạn 54 tháng, lãi suất thả nổi, lãi trả cuối kỳ;

(2) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, số lượng 60 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi trái phiếu trả hàng năm với lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 20.000 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2020, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 8 năm, năm đáo hạn 2028, lãi suất trái phiếu là lãi suất tham chiếu +0,9%/năm. Toàn bộ trái phiếu đã được đem đi cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

5.9 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị lợi thế thương mại đầu năm	20.510.762.831	23.074.608.185
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	-
Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp	-	-
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	2.563.845.354	2.563.845.354
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại cuối năm	<u>17.946.917.477</u>	<u>20.510.762.831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

5.10 . NỢ XẤU

Đơn vị : VND

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192.880.615	-	(192.880.615)	192.880.615	-	(192.880.615)
Công ty TNHH Phương Đông	31.631.516	-	(31.631.516)	31.631.516	-	(31.631.516)
Công ty TNHH MTV TM Sơn Hiến	102.599.197	-	(102.599.197)	102.599.197	-	(102.599.197)
Công ty TNHH TM An Dương	48.966.375	-	(48.966.375)	48.966.375	-	(48.966.375)
Doanh nghiệp Minh Châu	41.393.406	-	(41.393.406)	41.393.406	-	(41.393.406)
Công ty TNHH XD & TMDV Hưng Việt	186.296.132	-	(186.296.132)	186.296.132	-	(186.296.132)
Công ty TNHH XD & TMĐT Đại Phú Gia	99.476.541	-	(99.476.541)	99.476.541	-	(99.476.541)
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Huy Phát	30.396.555	-	(30.396.555)	30.396.555	-	(30.396.555)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải số 6	22.396.342	-	(22.396.342)	22.396.342	-	(22.396.342)
Công ty TNHH Thanh Phương	28.259.444	-	(28.259.444)	28.259.444	-	(28.259.444)
Công ty TNHH XD Vận tải Hải Nam	29.252.869	-	(29.252.869)	29.252.869	-	(29.252.869)
Công ty TNHH Xây dựng Phú Yên	68.156.611	-	(68.156.611)	68.156.611	-	(68.156.611)
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	179.478.333	89.739.167	(89.739.166)	179.478.333	89.739.167	(89.739.166)
Nhà phân phối Châu Ái	31.561.658	15.780.829	(15.780.829)	31.561.658	15.780.829	(15.780.829)
Nhà phân phối Dương Việt Dũng	74.973.795	37.486.897	(37.486.898)	74.973.795	37.486.897	(37.486.898)
Nhà phân phối Mạnh Dũng	37.013.327	18.506.663	(18.506.664)	37.013.327	18.506.663	(18.506.664)
Nhà phân phối Phúc Hưng	59.790.270	29.895.135	(29.895.135)	59.790.270	29.895.135	(29.895.135)
Nhà phân phối sơn Viglacera	68.749.775	34.374.888	(34.374.887)	68.749.775	34.374.888	(34.374.887)
Tuyết Huân	51.268.960	25.634.480	(25.634.480)	51.268.960	25.634.480	(25.634.480)
Xí nghiệp Xây dựng 4 - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng VIG	162.049.631	81.024.816	(81.024.815)	162.049.631	81.024.816	(81.024.815)
Đại lý Hằng Cường	36.997.153	18.498.576	(18.498.577)	36.997.153	18.498.576	(18.498.577)
Các công ty khác	5.701.363.158	1.744.570.274	(3.956.792.884)	5.701.363.158	1.744.570.274	(3.956.792.884)
Cộng	7.284.951.663	2.095.511.725	(5.189.439.938)	7.284.951.663	2.095.511.725	(5.189.439.938)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.914.520.494	63.375.591.256	63.157.792.649	826.420.002	31.700.000	155.306.024.401
Tăng trong năm	-	1.117.050.043	5.460.429.224	167.690.909	-	6.745.170.176
- Mua trong năm	-	1.117.050.043	5.460.429.224	167.690.909	-	6.745.170.176
Giảm trong năm	-	(309.389.250)	(9.561.914.001)	-	-	(9.871.303.251)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.561.914.001)	-	-	(9.561.914.001)
- Giảm khác	-	(309.389.250)	-	-	-	(309.389.250)
Số dư cuối năm	27.914.520.494	64.183.252.049	59.056.307.872	994.110.911	31.700.000	152.179.891.326
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.052.830.660	41.221.741.489	31.325.023.223	330.470.045	31.700.000	79.961.765.417
Tăng trong năm	709.412.304	9.670.660.122	8.064.187.958	201.302.324	-	18.645.562.708
- Số khấu hao trong năm	709.412.304	9.670.660.122	8.064.187.958	201.302.324	-	18.645.562.708
Giảm trong năm	-	-	(5.177.354.864)	-	-	(5.177.354.864)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.177.354.864)	-	-	(5.177.354.864)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.762.242.964	50.892.401.611	34.211.856.317	531.772.369	31.700.000	93.429.973.261
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	20.861.689.834	22.153.849.767	31.832.769.426	495.949.957	-	75.344.258.984
2. Tại ngày cuối năm	20.152.277.530	13.290.850.438	24.844.451.555	462.338.542	-	58.749.918.065

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.725.114.300	-	40.212.000	-	6.765.326.300
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.725.114.300	-	40.212.000	-	6.765.326.300
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	706.137.012	-	40.212.000	-	746.349.012
Tăng trong năm	134.502.288	-	-	-	134.502.288
- Số khấu hao trong năm	134.502.288	-	-	-	134.502.288
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	840.639.300	-	40.212.000	-	880.851.300
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.018.977.288	-	-	-	6.018.977.288
2. Tại ngày cuối năm	5.884.475.000	-	-	-	5.884.475.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN**

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	41.715.239.077	41.715.239.077	42.585.713.960	42.585.713.960
- Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD	-	-	1.356.600.000	1.356.600.000
- Công ty TNHH Sản xuất TM Ngọc Sơn Hà Nội	4.981.026.866	4.981.026.866	4.807.939.840	4.807.939.840
- Công ty TNHH MTV Bao Bì & Thương mại Quang Huy	2.200.777.800	2.200.777.800	2.421.622.950	2.421.622.950
- Công ty TNHH Hóa chất Minh Hóa	2.888.447.867	2.888.447.867	1.778.696.347	1.778.696.347
- Công ty TNHH Thái Sơn G.M	2.235.185.421	2.235.185.421	2.823.524.262	2.823.524.262
- Công ty Cổ Phần Kemic	2.251.601.200	2.251.601.200	3.081.021.200	3.081.021.200
- Tổng Công ty Viglacera -CTCP	1.740.624.072	1.740.624.072	1.891.770.971	1.891.770.971
- Phải trả cho các đối tượng khác	25.417.575.251	25.417.575.251	24.424.537.790	24.424.537.790
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	103.699.621	103.699.621	103.699.621	103.699.621
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27.629.620	27.629.620	27.629.620	27.629.620
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38.000.000	38.000.000	38.000.000	38.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38.070.001	38.070.001	38.070.001	38.070.001
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.615.409.926	2.615.409.926	2.888.320.978	2.888.320.978
- Công ty TNHH Tôn Thép Hòa Phát Châu Thành	-	-	757	757
- Đối tượng khác	2.615.409.926	2.427.554.990	3.730.165.915	3.730.165.915
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-

5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp, bù trừ trong năm	31/12/2022
a) Phải nộp	9.320.803.694	10.768.122.626	15.059.392.566	5.029.533.754
- Thuế GTGT	3.865.219.912	6.925.526.165	7.745.808.464	3.044.937.613
- Thuế TNDN	4.800.128.469	1.377.758.172	4.850.351.808	1.327.534.833
- Thuế TNCN	627.366.674	1.744.332.713	1.757.395.671	614.303.716
- Các loại thuế khác	28.088.639	720.505.576	705.836.623	42.757.592
	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2022
b) Phải thu	8.000.000	6.267.162	-	14.267.162
- Thuế GTGT	4.000.000	-	-	4.000.000
- Thuế TNDN	4.000.000	-	-	4.000.000
- Thuế TNCN	-	6.267.162	-	6.267.162

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	590.000.000	694.475.822
- Trích trước chi phí kiểm toán	170.000.000	190.000.000
- Các khoản trích trước khác	420.000.000	504.475.822
b) Dài hạn	-	-
5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	5.035.598.719	15.198.240.866
- Kinh phí công đoàn	623.399.695	507.989.349
- Bảo hiểm xã hội	104.842.863	202.068.723
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	877.300.231	10.993.627.494
- Nhận ký quỹ, ký cược	3.430.055.930	3.494.555.300
b) Dài hạn	570.430.120	720.430.120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	570.430.120	720.430.120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN**

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	81.999.619.971	81.999.619.971	205.785.449.790	194.749.810.064	70.963.980.245	70.963.980.245
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.910.550.557	80.910.550.557	205.785.449.790	187.199.563.308	62.324.664.075	62.324.664.075
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	10.636.443.027	10.636.443.027	28.512.669.403	33.852.966.424	15.976.740.048	15.976.740.048
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	6.497.044.554	6.497.044.554	36.645.533.831	43.443.769.551	13.295.280.274	13.295.280.274
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	46.820.153.476	46.820.153.476	105.314.295.103	90.640.685.380	32.146.543.753	32.146.543.753
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa	9.300.000.000	9.300.000.000	19.077.078.522	9.777.078.522	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	7.656.909.500	7.656.909.500	16.235.872.931	8.578.963.431	-	-
- Ngân hàng Chính sách Xã hội - huyện Gia Lâm (4)	-	-	-	906.100.000	906.100.000	906.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.089.069.414	1.089.069.414	-	5.099.210.756	6.188.280.170	6.188.280.170
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (5)	-	-	-	180.000.000	180.000.000	180.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (6)	1.063.904.010	1.063.904.010	-	4.520.841.160	5.584.745.170	5.584.745.170
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long An (8)	25.165.404	25.165.404	-	157.169.596	182.335.000	182.335.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (9)	-	-	-	241.200.000	241.200.000	241.200.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	-	2.451.036.000	2.451.036.000	2.451.036.000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (10)	-	-	-	2.451.036.000	2.451.036.000	2.451.036.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.444.349.905	16.444.349.905	1.232.000.004	3.888.411.534	19.100.761.435	19.100.761.435
Vay dài hạn	2.521.578.592	2.521.578.592	1.232.000.004	830.955.534	2.120.534.122	2.120.534.122
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (5)	77.000.004	77.000.004	4	-	77.000.000	77.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (6)	460.248.000	460.248.000	-	-	460.248.000	460.248.000
- Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội (7)	1.168.830.588	1.168.830.588	425.000.000	740.955.534	1.484.786.122	1.484.786.122
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (9)	815.500.000	815.500.000	807.000.000	90.000.000	98.500.000	98.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	13.922.771.313	13.922.771.313	-	3.057.456.000	16.980.227.313	16.980.227.313
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (10)	13.922.771.313	13.922.771.313	-	3.057.456.000	16.980.227.313	16.980.227.313
Cộng	98.443.969.876	98.443.969.876	207.017.449.794	198.638.221.598	90.064.741.680	90.064.741.680

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm các hợp đồng:

(1) Hợp đồng số 01/2021/4729252/HĐTD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ngày 24/06/2021, hạn mức cho vay 30 tỷ, thời hạn hợp đồng là 31/05/2022, thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova 2.0E BKS 29A-871.21, ô tô Hyundai I10 BKS 30A.627.39 và các quyền sử dụng đất, căn hộ của bên thứ 3, cổ phiếu của bên thứ 3.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng bao gồm các hợp đồng:

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 19/03/2021 và phụ lục ngày 15/06/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 13,5 tỷ đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 260-03/2021-HDCV/NHCT131-SDA ngày 06 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 25 tỷ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm. Tài sản thế chấp là 1 xe Lexus, toàn bộ 60 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-610.26, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-383.46, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29C-608.49, 1 xe Mazda BKS 30E-063.63, 1 xe ô tô Kia BKS 30E- 492.90, 1 xe ô tô Hyundai BKS 30F-372.89, 1 xe Hyundai BKS 30F-547.96, 1 xe Hyundai BKS 30F-708, 1 xe Hyundai BKS 30F-191.98, 1 xe Hyundai BKS 30F192-48, 1 xe ô tô Nissan BKS 29H-141.11, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29H-216.07, 1 xe ô tô Nissan BKS 29C-799.21, 1 xe ô tô tải Ford BKS 29C-790.49, 1 xe ô tô tải Hyundai BKS 30F-527.55, các khoản phải thu và hàng tồn kho của công ty cùng các máy móc thiết bị pha chế sơn và nhiều bất động sản của bên thứ 3.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 259-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BCSG ngày 04 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 05/08/2021 đến 05/08/2022, thời hạn cho vay theo từng khoản nợ nhưng không quá 6 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp bất động sản số 80/2017/HĐTC/NHCT131-SDASG ngày 09/05/2017 giữa Công ty Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Đông.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 258-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BCVN ngày 04/08/2021 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời gian vay không quá 3 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quốc Quyền (vợ là bà Nguyễn Thị Thúy Nga).

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Gia Lâm bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 6600000721339721/2021/HĐTD ngày 30/09/2021 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng số 6600000721516835/2021/HĐTD/PL01 ngày 29/10/2021 và phụ lục số 6600000721710684/2021/HĐTD/PL ngày 26/11/2021 giữa Công ty và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Gia Lâm, tổng số tiền vay là 906.100.000 đồng, thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân món đầu tiên, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để trả lương ngừng việc cho người lao động tháng 8, tháng 9, tháng 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

(5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4729252/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hạn mức vay 542 triệu đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô Hyundai Tucson 2.0AT bản đặc biệt máy xăng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất đến 30/06/2020 là 10,5%/năm, từ 01/07/2020 lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản thế chấp là xe Hyundai hình thành từ khoản vay.

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 193-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 05 năm 2019, hạn mức 392.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 01 xe ô tô mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 420-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 29 tháng 07 năm 2019, hạn mức 422.500.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 29H-216.07, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 175-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCSG ngày 28 tháng 05 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội tổng hạn mức 822.500.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Santafe phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 174-03/2021-HĐBĐ/NHCT131-BCSG ngày 28/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 229-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 05 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 840.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để mua sắm 1 xe ô tô 7 chỗ Hyundai phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 228-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 276-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Ford Ecosport mới 100% màu sơn trắng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 275-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 284-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 505.050.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 283-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 360-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 11 tháng 07 năm 2019, tổng hạn mức 660.450.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 358-03/2019/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 378-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 18 tháng 07 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép hiệu Ford Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 370-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 17/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 464-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 07 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 469.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu Hyundai số loại Kona phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 463-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 07/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 507-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 16 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép 05 chỗ ngồi hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 498-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 15/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 621-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 09 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 459.200.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu Hyundai số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 620-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 683-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 596.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại TUCSON TL 3-2.0NU 6AT FL phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 678-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 750-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 385.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA số loại VIOS G phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 746-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 781-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 558.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép nhãn hiệu Ford số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 780-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 30/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 803-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 595.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai số loại Tucson màu đỏ phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 802-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 08/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 811-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 295.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Hyundai số loại Accent 1.4MT BASE phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 810-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 12/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 836-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 631.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai số loại TUCSON phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 835-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 892-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 1.006.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con nhãn hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 891-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 02/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 992-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 27 tháng 12 năm 2019, tổng hạn mức 429.800.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA số loại CERATO phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 991-03/2019/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 69-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 14 tháng 02 năm 2020, tổng hạn mức 448.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 63-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 13/02/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 105-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 453.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 105-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 147-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 209.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại Morning phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 177-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 04 năm 2020, tổng hạn mức 419.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 460-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 10 tháng 07 năm 2020, tổng hạn mức 441.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Xpander phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 452-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 09/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 553-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 08 năm 2020, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 552-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 826-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 17 tháng 11 năm 2020, tổng hạn mức 503.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia Seltos phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 37-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 02 năm 2021, tổng hạn mức 114.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Vios phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 36-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/02/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 53-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 02 năm 2021, tổng hạn mức 184.500.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Triton GLX phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 52-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/02/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 71-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 10 tháng 03 năm 2021, tổng hạn mức 204.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Toyota, số loại HILUX phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 70-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 10/03/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 144-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 04 năm 2021, tổng hạn mức 290.150.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, số loại Frontier phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 143-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 28/04/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 167-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 05 năm 2021, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 166-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 24/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

(7) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội bao gồm những thỏa thuận cấp tín dụng sau:

Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000064/21 ngày 14/05/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 750.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Hyundai Santafe Premium của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 30G - 989.60

Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000073/21 ngày 14/05/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 750.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Hyundai Sanafe TM4 của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 30H - 032.79

Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000035/21 ngày 10/03/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 370.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô PEUGEOT 2008 ACTIVE của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô PEUGEOT 2008 ACTIVE hình thành từ khoản vay.

(8) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số LD1936200260 ngày 30/12/2019 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 686.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty.

- Hợp đồng tín dụng số LD2008100086 ngày 23/03/2020 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 300.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty.

(9) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số LAN/20055 ngày 06/05/2020 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - CN Long An, số tiền 721.600.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất vay 10,8%/năm trong 03 tháng đầu tiên, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần, mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Mazda số loại CX-5 20G, tài sản đảm bảo là xe ô tô Mazda CX-5 thuộc sở hữu của Công ty.

(10) Vay dài hạn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.013/2020/TSC-CTTC ngày 03/03/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 14.459.060.841 VND tương đương với 471.815 EUR, lãi suất 9%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á theo Công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Hăng sơn Đông Á phát hành. Hiện tại, dây truyền máy móc sản xuất sơn thuê tài chính đang trong quá trình lắp đặt.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.086/2020/TSC-CTTC ngày 23/09/2020 ký giữa Công ty và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 16.500.000.000 VND, lãi suất 8,5%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á theo công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Hăng sơn Đông Á phát hành. Hiện tại, dây truyền máy móc sản xuất sơn thuê tài chính đang trong quá trình lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09-DN/HN**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	(68.454.545)	62.876.752.824	15.601.506.882	10.366.687.433	203.776.492.594
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.449.512.174	26.021.372.158	28.470.884.332
Tăng khác	-	-	-	-	461.791.044	461.791.044
Trích lập các quỹ	-	-	4.305.686.810	-	-	4.305.686.810
Giảm khác	-	-	-	(2.876.321.570)	(10.366.687.433)	(13.243.009.003)
- <i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	(2.876.321.570)	(10.366.687.433)	(13.243.009.003)
Số dư cuối năm trước	115.000.000.000	(68.454.545)	67.182.439.634	15.174.697.486	26.483.163.202	223.771.845.777
Tăng vốn trong kỳ	160.999.670.000	-	-	1.287.500.000	-	162.287.170.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.768.062.403	2.125.431.091	3.893.493.494
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	11.623.836.674	-	-	11.623.836.674
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(653.700.000)	(45.999.670.000)	(148.717.061)	(26.483.163.202)	(73.285.250.263)
- <i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>	-	(653.700.000)	(45.999.670.000)	(148.717.061)	(26.483.163.202)	(73.285.250.263)
Số dư cuối kỳ	275.999.670.000	(722.154.545)	32.806.606.308	18.081.542.828	2.125.431.091	328.291.095.682

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN**

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại 31/03/2022	31/12/2022	01/01/2022
Bà Lê Như Ngọc	14,15%	39.058.800.000	12.140.000.000
Ông Mai Anh Tám	8,35%	23.047.520.000	9.603.270.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	3,60%	9.922.800.000	8.269.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	73,90%	203.970.550.000	84.987.730.000
Cộng	100,00%	275.999.670.000	115.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	160.999.670.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	275.999.670.000	115.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.599.967	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.599.967	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.599.967	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.599.967	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.599.967	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	32.806.606.308	67.182.439.634
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.578.705.038	1.578.705.038

f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	323.409.509.276	363.125.789.748
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	75.816.022.840	89.974.151.424
Hàng bán bị trả lại	3.516.192.100	3.596.133.982
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	79.332.214.940	93.570.285.406

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng đã bán	149.823.121.302	150.414.635.850
Cộng	149.823.121.302	146.970.271.049

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	167.895.553	217.627.091
Cộng	167.895.553	217.627.091

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	5.556.277.860	4.491.330.351
Cộng	5.556.277.860	4.491.330.351

6.6 . THU NHẬP KHÁC

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	636.119.832	559.809.138
Cộng	636.119.832	559.809.138

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	652.640.056	326.078.319
Cộng	652.640.056	326.078.319

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	22.197.356.689	18.899.812.906
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm	61.380.662.148	61.101.523.950

6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

	Năm nay	Năm trước
- Tại Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á	295.397.403	1.739.811.412
- Tại Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG	948.572.851	497.429.030
- Tại Công ty Cổ phần Bewin&Coating Vietnam	133.787.918	3.801.449.180
Thuế TNDN hiện hành	1.377.758.172	6.038.689.622

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

6.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	2.125.431.091	26.631.249.158
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.599.967	11.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên Cổ phiếu	77	2.316

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

8.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm**8.4 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và BCTC Quý 4 hợp nhất của Công ty.

8.5 . Thông tin về hoạt động liên tục

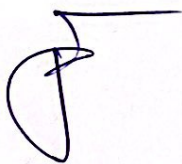
Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.6 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2023

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn